

Bản án số: 149/2019/HSST
Ngày: 30/12/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hải
2. Bà Vũ Kim Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Ma Ngọc Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 134/2019/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 239/2019/QĐXXST-HS ngày 16/12/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Tiến Q**; Giới tính: nam; Tên gọi khác: không; Sinh ngày 23/6/1985 tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: tày; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1954 (Trú tại: Tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Con bà: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957 (Trú tại: Tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Có 03 chị, em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; Vợ: Hoàng Nhật H, sinh năm 1993 (Trú tại: Tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: không;

Nhân thân:

- Ngày 20/02/2009 bị Công an thị xã Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 200.000đ (hai trăm nghìn đồng);

- Ngày 27/11/2013 bị Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 22/9/2019 đến ngày 10/10/2019 được thay đổi bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Nguyễn Hoàng H

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Đ, phố C, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. La Thị Ngân H

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. La Văn Q

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm S, H, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Đoàn Tiến C

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Vi Văn C

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Nông Thế H

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

7. Hoàng Văn C

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

8. Lục Huy H

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

9. Phan Minh T

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm H N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Đỗ H N

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: N, xã B, huyện H, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Đoàn Yên N

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ T, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

12. Nguyễn Mạnh H

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

13. Nguyễn Trọng Đ

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ C, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

14. Nguyễn Đức D

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm B, N, xã H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Hoàng Nhật H

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Nguyễn An D, sinh ngày 20/8/2003

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thu H

Vắng mặt.

2. Đàm Sơn L

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 25 tháng 8 năm 2019, Nguyễn Tiến Q (sinh năm 1985, trú tại Tổ M, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng), Nguyễn Trung K (sinh năm 1986, trú tại tổ B, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng), Phạm Thanh H (sinh năm 1976, trú tại tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) cùng một số người bạn của H uống bia tại quán bia C thuộc tổ C, phường Đ, thành phố C. Giữa K và Q xảy ra mâu thuẫn nên Q đã cầm cốc bia làm bằng thủy tinh, loại cốc có tay cầm, dung tích khoảng 200-250ml đập một phát vào vùng đầu của K làm vùng đầu của K bị rách da và chảy máu, còn chiếc cốc thủy tinh thì bị rơi vỡ tại quán C (không thu hồi được vật chứng). Sau khi được khuyên can, Q đã bỏ đi về nhà, K được đưa đi điều trị.

Ngày 25 tháng 8 năm 2019, Nguyễn Trung K có đơn tố giác gửi cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Ngày 22 tháng 9 năm 2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng thi hành lệnh bắt bị can để tạm giam, đồng thời tiến hành khám xét đối với người, chỗ ở của Nguyễn Tiến Q.

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động màu đen, mặt sau có chữ Iphone số Imei: 355353089782852, bên trong máy có 01 (một) thẻ sim điện thoại số thuê bao: 0965260951 phát hiện và thu giữ trên người Nguyễn Tiến Q.

- Tiền Việt Nam 9.550.000đ (chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) phát hiện và thu giữ trên người Nguyễn Tiến Q.

- 03 (ba) chứng minh nhân dân có số lần lượt là 085006096, 085056677, 085021451 mang tên Lục Huy H, Nông Thế H, Nguyễn Trọng Đ; 06 (sáu) giấy đăng ký xe máy, xe mô tô mang tên lần lượt Đoàn Xuân T, Nông Thị Bích H, Lăng Văn C, Đỗ Đức D, La Văn N, Phạm Thị T. Toàn bộ số giấy tờ trên được thu giữ trong 01 (một) chiếc túi có chữ MY CLEAR BAG để trên giường trong phòng ngủ.

- 01 (một) giấy mượn đồ được đánh số thứ tự 01 (có chữ ký của người mượn); 04 (bốn) giấy bán xe được đánh số thứ tự từ 01 đến 04; 10 (mười) tờ giấy vay tiền được đánh số thứ tự từ 01 đến 10, trên các tờ giấy vay tiền có ghi thông tin về việc vay tiền và có chữ ký xác nhận của người vay tiền .

- 01 (một) quyển sổ ghi chép bìa màu vàng khổ 19 x 26,7cm được đánh số thứ tự quyển số 01. Bên trong sổ có 14 (mười bốn) trang giấy được ghi các chữ, số bằng bút mực màu đen, màu xanh. Nguyễn Tiến Q đã ký xác nhận vào từng trang giấy có chữ viết; 01 (một) quyển sổ có chữ NOTE BOOK bìa màu trắng, hồng, đỏ khổ 15cm x 21cm được đánh số thứ tự quyển số 02. Bên trong có 07 (bảy) trang giấy được ghi các chữ, số bằng bút mực màu xanh, đen. Hoàng Nhật H đã ký xác nhận vào từng trang giấy có chữ, số; 01 (một) quyển sổ có dòng chữ CLASSIC bìa màu đen được đánh số thứ tự quyển số 03. Bên trong có 09 (chín) trang giấy được ghi các chữ, số bằng bút mực màu đen, xanh.

- 01 (một) súng ngắn dạng tự chế bằng kim loại màu đen, phân báng súng có ốp bằng gỗ màu nâu, có chiều dài 16cm, rộng 09cm, súng có tay cò và búa đập bằng kim loại, có hộp tiếp đạn dạng xoay (kiểu súng côn). Kiểm tra bên trong hộp tiếp đạn có 06 (sáu) viên đạn (kiểu đạn thể thao).

Tất cả các đồ vật, tài liệu trên được phát hiện và thu giữ trong phòng ngủ của Nguyễn Tiến Q và vợ là Hoàng Nhật H tại tầng hai của căn nhà.

Cùng ngày 22 tháng 9 năm 2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã tiến hành kiểm tra hành chính đối với cửa hàng cho thuê xe máy, tư vấn tài chính P của Q tại tổ H, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng và tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau: 27 (hai mươi bảy) hợp đồng thuê xe được đánh số thứ tự từ 01 - 27; 02 (hai) chứng minh nhân dân mang tên lần lượt Chung Văn T, Hoàng Văn T; 02 (hai) sổ hộ khẩu mang tên lần lượt Lý Thị L, Hoàng Văn T; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân bản photo có chứng thực mang tên Nguyễn Thị M; 01 (một) sổ hộ khẩu bản photo có chứng thực mang tên Đặng Quốc C; 03 (ba) quyển sổ ghi chép liên quan đến thu nợ (được đánh số từ 01 đến 03).

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 169 giám định tỷ lệ phần trăm thương tích trên cơ thể của Nguyễn Trung K. Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 111/10/TgT ngày 12/9/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Cao Bằng kết luận:

“1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết sẹo phần mềm vùng đầu, kích thước nhỏ: 03%.
- Chấn động não sau chấn thương, điều trị ổn định: 02%.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 05% (năm phần trăm)”.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng cũng ra quyết định trưng cầu giám định đối với 01 (một) khẩu súng ngắn và 06 (sáu) viên đạn được phát hiện và thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Tiến Q. Tại bản kết luận giám định số 121-GĐKTHS ngày 07/10/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cao Bằng kết luận:

“1. Súng gửi giám định là súng tự chế. Không phải súng quân dụng. Súng có tính năng tác dụng như vũ khí quân dụng.

2. Đạn gửi giám định là đạn thể thao. Không phải đạn quân dụng.

3. Hiện súng trong tình trạng hoạt động bình thường. Đạn sử dụng bình thường”.

Mở rộng điều tra xác định được: Trong khoảng thời gian từ tháng 05 năm 2019 đến ngày 22 tháng 9 năm 2019, Nguyễn Tiến Q còn thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 15 (mười lăm) cá nhân có nhu cầu sử dụng vốn với tổng số 28 (hai mươi tám) lượt vay, tương đương số tiền cho vay là 144.500.000đ (một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính lớn. Hình thức cho vay dưới dạng là vay lãi theo ngày. Cụ thể xác định được 07 (bảy) mức lãi suất cho các khoản vay lần lượt như sau:

- Mức lãi suất 04%/ngày (tương đương 1460%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 01 (một) giao dịch dân sự cho 01 (một) người vay số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), thời gian vay 10 ngày, thu số tiền lãi là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ngày) là 5.479,4 đ (năm nghìn bốn trăm bảy chín phẩy bốn đồng). Như vậy Nguyễn Tiến Q đã thu lợi bất chính số tiền là: 400.000 đ – 5.479,4 đ = 394.520,6 đ (ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi phẩy sáu đồng).

- Mức lãi suất 1,5%/ngày (tương đương 547,5%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 12 (mười hai) giao dịch dân sự cho 06 (sáu) người vay với tổng số tiền là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng). Mức lãi suất này Q đã thu của khách tổng số tiền lãi là 24.300.000đ (hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ngày) là 887.662,8 đ (tám trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi hai phẩy tám đồng). Nguyễn Tiến Q đã thu lợi bất chính số tiền là: 24.300.000 - 887.662,8 = 23.412.337,2 đ (hai mươi ba triệu bốn trăm mười hai nghìn ba trăm ba mươi bảy phẩy hai đồng).

- Mức lãi suất 01%/ngày (tương đương 365%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 11 (mười một) giao dịch dân sự cho 07 (bảy) người vay với tổng số tiền là 56.000.000đ (năm mươi sáu triệu đồng). Mức lãi

suất này Q đã thu của khách tổng số tiền lãi là 17.600.000đ (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ ngày) là 964.374,4 đ (chín trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bốn phẩy bốn đồng). Nguyễn Tiến Q đã thu lợi bất chính số tiền là: $17.600.000 - 964.374,4 = 16.635.625,6$ đ (mười sáu triệu sáu trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm hai mươi năm phẩy sáu đồng).

- Mức lãi suất 0,8%/ngày (tương đương 292%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 01 (một) giao dịch dân sự cho 01 (một) người vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), thu số tiền lãi là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ngày) là 27.397 đ (hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng). Nguyễn Tiến Q đã thu lợi bất chính số tiền là: $400.000 - 27.397 = 372.603$ đ (ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng).

- Mức lãi suất 0,75%/ngày (tương đương 273,75%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 01 (một) giao dịch dân sự cho 01 (một) người vay số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), thu số tiền lãi là 225.000đ (hai trăm hai mươi năm nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ngày) là 16.438,2 đ (mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám phẩy hai đồng). Nguyễn Tiến Q đã thu lợi bất chính số tiền là: $225.000 - 16.438,2 = 208.561,8$ (hai trăm linh tám nghìn năm trăm sáu mươi một phẩy tám đồng).

- Mức lãi suất 0,5%/ngày (tương đương 192%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 01 (một) giao dịch dân sự cho 01 (một) người vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), thu số tiền lãi là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ngày) là 54.794 đ (năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng). Nguyễn Tiến Q đã thu lợi bất chính số tiền là: $500.000 - 54.794 = 445.206$ đ (bốn trăm bốn mươi năm nghìn hai trăm linh sáu đồng).

- Mức lãi suất 0,3%/ngày (tương đương 109,5%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 01 (một) giao dịch dân sự cho 01 (một) người vay số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), thu số tiền lãi là 270.000đ (hai trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ ngày) là 49.314,6 đ (bốn mươi chín nghìn ba trăm mười bốn phẩy sáu đồng). Nguyễn Tiến Q đã thu lợi bất chính số tiền là:

$270.000 - 49.314,6 = 220.685,4$ đ (hai trăm hai mươi nghìn sáu trăm tám mươi lăm phẩy bốn đồng).

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2019 đến ngày bị bắt 22 tháng 9 năm 2019, Nguyễn Tiến Q đã sử dụng tổng số tiền là 144.500.000 đ (một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) để thông qua 28 (hai mươi

tám) giao dịch dân sự cho 15 (mười lăm) cá nhân có nhu cầu sử dụng vốn vay, với mức lãi suất thấp nhất là 109,5%/năm, lãi suất cao nhất là 1460%/năm, thu tổng số tiền lãi 43.695.000 đ (bốn mươi ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó số tiền thu lợi bất chính là 41.689.539,6 đ (bốn mươi một triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn năm trăm ba mươi chín phẩy sáu đồng).

Việc Nguyễn Tiến Q cho người khác vay lãi nặng có sự giúp sức của Đàm Sơn L (sinh năm 1998, trú tại tổ T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) và Nguyễn An D (sinh năm 2003, trú tại Khu M, thị trấn T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn) là nhân viên được Q thuê để quản lý và giúp việc cho Q tại cửa hàng cho thuê xe máy, tư vấn tài chính P do Nguyễn Tiến Q làm chủ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 10 tháng 10 năm 2019, bị hại Nguyễn Trung K có đơn đề nghị rút yêu cầu khởi tố. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 230 Bộ luật tố tụng hình sự, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã đình chỉ điều tra vụ án, đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Tiến Q về Tội cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự và xử phạt vi phạm hành chính Nguyễn Tiến Q (tại Quyết định số 236/QĐ-XPHC ngày 11/10/2019).

Tại bản Cáo trạng số 127/CT-VKSTP ngày 29/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Nguyễn Tiến Q về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, thừa nhận từ tháng 5 đến tháng 9 năm 2019 được cho vay lãi nặng với số tiền vốn là 20.000.000đ. Bị cáo nhất trí với bản thống kê số lần, số tiền và mức lãi suất của những lần cho vay lãi nặng, nhất trí với Kết luận giám định pháp y về thương tích đối với Nguyễn Trung K, Kết luận giám định đối với khẩu súng, đạn thu được cũng như các hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án.

Về số tiền và giấy tờ tạm giữ: bị cáo đề nghị xem xét theo pháp luật số tiền 9.550.000đ trong đó có 8.000.000đ do người vay trả cho bị cáo và 1.550.000đ do bị cáo cho thuê xe mà có. Đề nghị được trả lại những giấy tờ cá nhân của người vay thế chấp cho bị cáo và những giấy tờ liên quan đến vay tiền bị thu giữ để bị cáo có cơ sở đòi lại tiền gốc của những người vay tiền.

Trong quá trình điều tra, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có lời khai xác nhận vay tiền của Nguyễn Tiến Q, xác nhận lãi suất giữa các bên thỏa thuận là lãi suất cao nhưng không có yêu cầu về lãi suất đối với Nguyễn Tiến Q.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng H, La Thị Ngân H, La Văn Q, Đoàn Tiến C, Vi Văn C, Nông Thế H, Phan Minh T, Đỗ H N, Đoàn Yên N, Nguyễn Mạnh H, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Đức D là những người đã vay tiền của Nguyễn Tiến Q với lãi suất cao vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không có yêu cầu đối

với bị cáo. Hoàng Văn C, Lục Huy H xác nhận có vay tiền với Q, hai bên tự giải quyết và đề nghị được trả lại giấy đăng ký xe và chứng minh thư nhân dân bị thu giữ trong vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Tiến Q; tuyên bố bị cáo tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Đề nghị xử phạt bị cáo với mức án từ 12 (mười hai) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ: Đề nghị tịch thu sung vào công quỹ nhà nước 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là phương tiện phạm tội; tịch thu số tiền 43.695.000đ là tiền thu lãi bất chính và tiền do phạm tội mà có để sung vào công quỹ nhà nước. Xác nhận đã thu giữ của bị cáo 8.000.000đ (tám triệu đồng) tiền do phạm tội mà có, được trừ vào số tiền 43.695.000đ. Bị cáo còn phải nộp lại số tiền 55.695.000đ để sung vào công quỹ nhà nước.

Trả lại cho bị cáo số tiền 1.550.000đ vì không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải, xin được trả lại tài sản và xin được hưởng mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng: Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2019 đến ngày bị bắt 22 tháng 9 năm 2019, Nguyễn Tiến Q đã thông qua 28 (hai mươi tám) giao dịch dân sự cho 15 (mười lăm) cá nhân vay, số tiền làm vốn ban đầu theo Q khai là 20.000.000đ cho vay quay vòng với tổng số tiền cộng dồn là 144.500.000đ (một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng) với mức lãi suất thấp nhất là 109,5%/năm, lãi suất cao nhất là 1460%/năm, thu tổng số tiền lãi 43.695.000đ (bốn mươi ba triệu sáu trăm chín mươi năm nghìn đồng), trong

đó số tiền lãi bất chính là 41.689.539,6 đ (bốn mươi một triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn năm trăm ba mươi chín phẩy sáu đồng). Cụ thể:

- Mức lãi suất 04%/ngày (tương đương 1460%/năm): Nguyễn Tiến Q đã thông qua 01 (một) giao dịch dân sự cho 01 (một) người vay số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng), thời gian vay 10 ngày, thu số tiền lãi là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp là 5.479,4 đ (năm nghìn bốn trăm bảy chín phẩy bốn đồng), Q thu lợi bất chính là: 400.000 đ – 5.479,4 đ = 394.520,6 đ (ba trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm hai mươi phẩy sáu đồng).

- Mức lãi suất 1,5%/ngày (tương đương 547,5%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 12 (mười hai) giao dịch dân sự cho 06 (sáu) người vay với tổng số tiền là 44.000.000đ (bốn mươi bốn triệu đồng). Mức lãi suất này Q đã thu của khách tổng số tiền lãi là 24.300.000đ (hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng). Trong đó, số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ngày) là 887.662,8 đ (tám trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi hai phẩy tám đồng); Q thu lợi bất chính số tiền là: 24.300.000 – 887.662,8 = 23.412.337,2 đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm mười hai nghìn ba trăm ba mươi bảy phẩy hai đồng).

- Mức lãi suất 01%/ngày (tương đương 365%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 11 (mười một) giao dịch dân sự cho 07 (bảy) người vay với tổng số tiền là 56.000.000 đ (năm mươi sáu triệu đồng). Mức lãi suất này Q đã thu của khách tổng số tiền lãi là 17.600.000đ (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ngày) là 964.374,4 đ (chín trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm bảy mươi bốn phẩy bốn đồng); Q thu lợi bất chính số tiền là: 17.600.000 – 964.374,4 = 16.635.625,6 đ (Mười sáu triệu sáu trăm ba mươi năm nghìn sáu trăm hai mươi năm phẩy sáu đồng).

- Mức lãi suất 0,8%/ngày (tương đương 292%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 01 (một) giao dịch dân sự cho 01 (một) người vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), thu số tiền lãi là 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ngày) là 27.397 đ (hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy đồng); Q thu lợi bất chính số tiền là: 400.000 – 27.397 = 372.603 đ (ba trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm linh ba đồng).

- Mức lãi suất 0,75%/ngày (tương đương 273,75%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 01 (một) giao dịch dân sự cho 01 (một) người vay số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng), thu số tiền lãi là 225.000đ (hai trăm hai mươi năm nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ngày) là 16.438,2 đ (mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám phẩy hai đồng). Q đã thu lợi bất chính số tiền là: 225.000 –

16.438,2 = 208.561,8 đ (hai trăm linh tám nghìn năm trăm sáu mươi một phẩy tám đồng).

- Mức lãi suất 0,5%/ngày (tương đương 192%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 01 (một) giao dịch dân sự cho 01 (một) người vay số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng), thu số tiền lãi là 500.000đ (năm trăm nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ngày) là 54.794 đ (năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi bốn đồng). Q đã thu lợi bất chính số tiền là: 500.000 – 54.794 = 445.206 đ (bốn trăm bốn mươi lăm nghìn hai trăm linh sáu đồng).

- Mức lãi suất 0,3%/ngày (tương đương 109,5%/năm): Với mức lãi suất này Nguyễn Tiến Q đã thông qua 01 (một) giao dịch dân sự cho 01 (một) người vay số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), thu số tiền lãi là 270.000 đ (hai trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó số tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (20%/năm tương đương 0.054794%/ngày) là 49.314,6 đ (bốn mươi chín nghìn ba trăm mười bốn phẩy sáu đồng). Q đã thu lợi bất chính số tiền là: 270.000 – 49.314,6 = 220.685,4 đ (Hai trăm hai mươi nghìn sáu trăm tám mươi năm phẩy bốn đồng).

Mặc dù số tiền bị cáo cho vay mỗi lần không lớn, chỉ từ 1.000.000đ đến 10.000.000đ nhưng với mức lãi suất cao từ 109,5% đến 1460%/năm, đã vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của pháp luật dân sự (20%); tổng số tiền thu lợi bất chính của bị cáo là 41.689.539.6 đ (từ 30.000.000đ trở lên) đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xác định số tiền gốc bị cáo sử dụng làm vốn để cho vay: Theo cáo trạng phản ánh tổng số tiền bị cáo dùng cho vay là 144.500.000 đ tuy nhiên, bị cáo cho rằng số tiền bỏ ra để làm vốn vay ban đầu khoảng 20.000.000 đ, sau khi được trả lãi và gốc bị cáo lại dùng chính số tiền đó quay vòng làm vốn cho vay nên trên sổ thẻ hiện số tiền cộng dồn là 144.500.000 đ.

Theo bảng thống kê số tiền cho vay lãi nặng của cơ quan điều tra và số tiền Viện kiểm sát truy tố bị cáo là 144.500.000 đ nhưng trong khoảng thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 9/2019 Nguyễn Tiến Q đã cho 15 cá nhân vay với 28 (hai mươi tám) lượt cho vay (quay vòng nhiều lần), có người vay nhiều lượt, thời hạn vay của mỗi người khác nhau, đa số sau 10 ngày đã trả gốc nên bảng thống kê có kết quả số tiền 144.500.000 đ là tính cộng dồn chứ không phải số tiền thực tế bị cáo dùng vào việc phạm tội.

Trong tháng 5/2019 bị cáo cho vay 07 lần, trong đó có một số lần cho vay đã được trả gốc, sau đó lại cho vay tiếp với tổng số tiền là 27.000.000 đ, như vậy lời khai của bị cáo về số tiền làm vốn là phù hợp với tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định số tiền bị cáo sử dụng làm vốn cho vay là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Theo hướng dẫn số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Tòa án nhân dân tối cao về việc thông

báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong xét xử thì cần tịch thu tiền vốn vay là phương tiện dùng thực hiện tội phạm để sung vào công quỹ nhà nước.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo Nguyễn Tiến Q là nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp trật tự quản lý kinh tế của nhà nước mà còn mang tính chất bóc lột, làm những người vay tiền thiệt hại về kinh tế. Song chính những người vay cũng có một phần lỗi không chấp hành đúng các quy định của pháp luật, không làm thủ tục vay tiền tại các tổ chức tín dụng, dù biết rõ vay với lãi suất cắt cổ nhưng để mau chóng có tiền đáp ứng nhu cầu cá nhân, không phải thế chấp tài sản nên đã lựa chọn hình thức “tín dụng đen”; đây cũng là một trong những nguyên nhân, điều kiện tiếp tay cho tội phạm xảy ra.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt và 02 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt đều không yêu cầu bị cáo Nguyễn Tiến Q phải trả lại số tiền lãi bất hợp pháp (mức lãi suất trên 20%/năm). Theo quy định của pháp luật thì số tiền lãi bất hợp pháp được trả lại cho những người liên quan có tên trên, hoặc ghi nhận ý kiến của họ trong bản án nhưng bản chất của số tiền đó là tiền do phạm tội mà có, và thực tế bị cáo đã sử dụng chính những đồng tiền lãi hợp pháp và bất hợp pháp đó để làm vốn tiếp tục quay vòng cho vay hoặc chi tiêu cá nhân hết.

Bị cáo đã thu lợi bất chính 41.689.539,6đ (bốn mươi một triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn năm trăm ba mươi chín phẩy sáu đồng) và thu tiền lãi hợp pháp 2.005.460,4đ là khoản tiền phát sinh từ tội phạm lại trở thành vốn cho vay, là phương tiện phạm tội nên cần phải tịch thu toàn bộ để sung vào công quỹ nhà nước cả hai khoản lãi là 43.695.000đ.

Để thực hiện nghiêm chỉ thị số 12/CT-Ttg ngày 25/4/2019 của Thủ tướng chính phủ về tăng cường phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”, cần buộc bị cáo nộp lại để tịch thu toàn bộ số tiền gốc dùng làm vốn cho vay và toàn bộ tiền lãi bị cáo đã thu được trong vụ án như đã phân tích ở trên (20.000.000đ + 43.695.000đ) để sung vào công quỹ nhà nước. Có như vậy mới đủ nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Đối với một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như Đoàn Yến N, Đoàn Tiến C, Đỗ H N, Nguyễn Mạnh H, Vi Văn C, Nguyễn Trọng Đ, Nguyễn Hoàng H, Hoàng Văn C, Lục Huy H hiện nay vẫn chưa trả tiền gốc cho bị cáo, sẽ được giải quyết trong một vụ kiện khác khi bị cáo có yêu cầu.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt: Điều luật quy định hình phạt tiền và hình phạt cải tạo không giam giữ, tuy nhiên bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng

nên cần xử phạt bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ là đủ nghiêm để đảm bảo thi hành án và giáo dục cải tạo bị cáo thành công dân tốt cho xã hội. Do bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định, không có tài sản nào khác. Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn phải thực hiện nghĩa vụ nộp lại các khoản tiền là phương tiện thực hiện tội phạm và tiền do phạm tội mà có để sung vào công quỹ nhà nước nên Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng, xử lý vật chứng: căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát:

-Số tiền Việt Nam 9.550.000 bị thu giữ: Bị cáo thừa nhận có 8.000.000đ là tiền do một số người vay trả cho bị cáo (gồm vốn, lãi hợp pháp và lãi bất hợp pháp), là phương tiện thực hiện tội phạm, tiền phát sinh từ hành vi phạm tội, tiền thu lãi bất chính, cần tịch thu sung vào công quỹ nhà nước và được trừ vào tổng số tiền 43.695.000đ. Số tiền còn lại là 1.550.000đ do bị cáo cho thuê xe máy mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội, được trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với các giấy tờ thu giữ tại chỗ ở của bị cáo:

+ 01 (một) giấy mượn đồ được đánh số 01 (có chữ ký của người mượn);

+ 04 (bốn) giấy bán xe được đánh số từ 01-04;

+ 10 (mười) giấy vay tiền được đánh số thứ tự từ 01-10.

+ 03 (hai) giấy chứng minh thư nhân dân: 01 (một) Chứng minh nhân dân số 085021451 mang tên Nguyễn Trọng Đ; 01(một) Chứng minh nhân dân số 085056677 mang tên Nông Thế H; 01 (một) Chứng minh nhân dân số 085006096 mang tên Lục Huy H.

+01 (một) giấy đăng ký xe số 008675 mang tên Đoàn Xuân T;

+01 (một) giấy đăng ký xe số 0028136 mang tên Đỗ Đức D.

Bị cáo khai các chứng minh thư nhân dân, giấy đăng ký xe bị thu giữ do người vay tự nguyện thế chấp cho bị cáo để vay tiền, đề nghị được nhận lại các giấy tờ và giấy vay tiền để đòi lại số tiền đã cho vay.

Xét thấy giao dịch vay tiền giữa người vay và bị cáo là tự nguyện, theo pháp luật dân sự thì thỏa thuận giữa hai bên được công nhận đối với số tiền gốc và tiền lãi hợp pháp, những người liên quan có tên trong giấy tờ cũng không có yêu cầu được nhận lại. Nếu tịch thu tiêu hủy những giấy tờ trên sẽ ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo, hiện nay một số người chưa trả tiền gốc cho bị cáo nên cần trả lại một số giấy tờ thể hiện việc cho vay nợ đã thu giữ tại nhà của bị cáo. Nếu bị cáo có yêu cầu đòi lại số tiền cho vay đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác theo quy định của pháp luật. Bị cáo phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng những giấy tờ, tài liệu được trả lại theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lục Huy H đề nghị trả lại 01 (một) giấy đăng ký xe số 003983 mang tên Nông Thị Bích H; 01 (một) Chứng

minh nhân dân số 085006096 mang tên Lục Huy H và tự giải quyết số tiền vay với bị cáo, bị cáo nhất trí nên cần chấp nhận;

[8] Về các vấn đề khác:

[8.1] Đối với tài sản là 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen có số Imei: 355353089782852, bên trong máy có 01 (một) thẻ sim điện thoại số thuê bao: 0965260951 và 01 (một) quyển sổ có chữ NOTE BOOK bìa màu trắng, hồng, cỡ khổ 15 x 21cm được đánh số thứ tự quyển số 02 là của Hoàng Nhật H. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng trả lại cho chị H là đúng pháp luật.

[8.2] Đối với các loại giấy tờ đã được trả lại trong quá trình điều tra, gồm:

03 (ba) giấy đăng ký xe mô tô mang tên lần lượt Lãng Văn C, Lê Văn N, Phạm Thị T; 27 (hai mươi bảy) hợp đồng thuê xe được đánh số thứ tự từ 01 - 27; 02 (hai) chứng minh nhân dân mang tên lần lượt Chung Văn T, Hoàng Văn T; 02 (hai) sổ hộ khẩu mang tên lần lượt Lý Thị L, Hoàng Văn T; 01 (một) giấy chứng minh nhân dân bản photo có chứng thực mang tên Nguyễn Thị M; 01 (một) sổ hộ khẩu bản photo có chứng thực mang tên Đặng Quốc C là tài liệu liên quan đến việc cho thuê xe mô tô của Nguyễn Tiến Q, không liên quan đến hành vi phạm tội. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng đã trả lại cho Nguyễn Tiến Q là phù hợp.

[8.3] Đối với khẩu súng ngắn và đạn được phát hiện và thu giữ tại chỗ ở của Nguyễn Tiến Q là vũ khí tự chế và có tính năng tương tự vũ khí quân dụng; Công an thành phố Cao Bằng đã xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với Nguyễn Tiến Q về hành vi không giao nộp vũ khí và chuyển vũ khí đến bộ phận có chức năng quản lý vũ khí là đúng pháp luật.

[8.4] Đối với Đàm Sơn L làm thuê cho Nguyễn Tiến Q đến tháng 8 năm 2019; Nguyễn An D làm thuê cho Nguyễn Tiến Q từ tháng 8 năm 2019 đến ngày 22 tháng 9 năm 2019. Trong thời gian L và D làm việc cho Q thì hành vi của Q chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cao Bằng ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền) đối với Đàm Sơn L và Nguyễn An D về hành vi cho vay tiền có cầm cố tài sản là đúng quy định của pháp luật.

[8.5] Việc Nguyễn Trung K rút đơn yêu cầu truy tố đối với Nguyễn Tiến Q về tội cố ý gây thương tích là tự nguyện, cơ quan điều tra đã ra quyết định đình chỉ bị can đối với Q về tội này là đúng pháp luật.

[9] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, về trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đề nghị áp dụng đối với bị cáo là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Về án phí: bị cáo Nguyễn Tiến Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm đề sung vào công quỹ nhà nước.

[11] Về quyền kháng cáo: bị cáo và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Tiến Q phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 201, Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Nguyễn Tiến Q.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tiến Q 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/9/2019 đến 10/10/2019 (19 ngày) được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ; quy đổi : 01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ: $19 \times 3 = 57$ ngày). Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ với thời gian 308 ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Tiến Q cho Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố C giám sát và giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bị cáo được miễn việc khấu trừ thu nhập.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong 01 tuần. Không áp dụng biện pháp lao động phục vụ cộng đồng đối người bị bệnh hiểm nghèo, người khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là phương tiện thực hiện tội phạm và toàn bộ số tiền lãi do phạm tội mà có là 43.695.000 đ (bốn mươi ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng cả hai khoản bị cáo phải nộp lại để tịch thu sung vào công quỹ nhà nước là 63.695.000đ (sáu mươi ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Xác nhận đã thu giữ được của bị cáo 8.000.000đ (tám triệu đồng) do phạm tội mà có trong số tiền 9.550.000đ phong bì niêm phong có các đặc điểm được phản ánh trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06/12/2019 có trong hồ sơ vụ án, đối trừ, bị cáo còn phải nộp lại để tịch thu sung vào công quỹ nhà nước 55.695.000đ (năm mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

- Tách phần trách nhiệm dân sự của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vay tiền với bị cáo chưa trả được để giải quyết bằng vụ án khác khi bị cáo có yêu cầu.

3. Về xử lý vật chứng, giấy tờ, tài sản thu giữ trong vụ án: áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

3.1. Xác nhận: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng trả lại cho chị Hoàng Nhật H 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen có số Imei: 355353089782852, bên trong máy có 01 (một) thẻ sim điện thoại số thuê bao: 0965260951 và 01 (một) quyển sổ có chữ NOTE BOOK bìa màu trắng, hồng, cỡ khổ 15 x 21cm được đánh số thứ tự quyển số 02 là của Hoàng Nhật H theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 22/11/2019.

3.2. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo Nguyễn Tiến Q những giấy tờ sau đây theo biên bản về việc trả lại đồ vật, tài liệu ngày 22/11/2019:

+ 03 (ba) giấy đăng ký xe mô tô mang tên lần lượt Lãng Văn C, Lê Văn N, Phạm Thị T;

+ 27 (hai mươi bảy) hợp đồng thuê xe được đánh số thứ tự từ 01 - 27;

+ 02 (hai) chứng minh nhân dân mang tên lần lượt Chung Văn T, Hoàng Văn T;

+02 (hai) sổ hộ khẩu mang tên lần lượt Lý Thị L, Hoàng Văn T;

+01 (một) giấy chứng minh nhân dân bản photo có chứng thực mang tên Nguyễn Thị M;

+01 (một) sổ hộ khẩu bản photo có chứng thực mang tên Đặng Quốc C.

3.3. Trả lại cho bị cáo:

+Số tiền 1.550.000 trong phong bì niêm phong 9.550.000đ có các đặc điểm được phản ánh trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06 tháng 12 năm 2019 có trong hồ sơ vụ án nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án đối với các khoản tiền bị cáo phải nộp để sung vào công quỹ nhà nước.

+ (01) Chứng minh nhân dân số 085021451 mang tên Nguyễn Trọng Đ;

+ 01 (một) Chứng minh nhân dân số 085056677 mang tên Nông Thế H;

+01 (một) giấy đăng ký xe số 008675 mang tên Đoàn Xuân T;

+ 01 (một) giấy đăng ký xe số 0028136 mang tên Đỗ Đức D;

+ 01 (một) giấy mượn đồ được đánh số 01 (có chữ ký của người mượn);

+ 04 (bốn) giấy bán xe được đánh số từ 01-04;

+ 10 (mười) giấy vay tiền được đánh số thứ tự từ 01-10.

3.4. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lục Huy H: 01 (một) chứng minh nhân dân số 085006096 mang tên Lục Huy H; 01 (một) giấy đăng ký xe số 003983 mang tên Nông Thị Bích H;

Xác nhận toàn bộ vật chứng, giấy tờ, tài sản kể trên đã được chuyển đến Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 06 tháng 12 năm 2019.

4. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tiến Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Những người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hợp